TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ VANG
TP ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 72/2019/QĐST-HNGĐ

Hòa Vang, ngày 11 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 166/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn D, xã Hòa P, huyện V, TP. Đà Nẵng.

Bị đơn: Ông Trần Viết V, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện V, TP. Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị L và ông Trần Viết V.

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung và án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cụ thể như sau:

1. Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị L và ông Trần Viết V tự nguyện thỏa thuận:

Giao con Trần Lê TN, sinh ngày 15/8/2017 cho bà Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông Trần Viết V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ ngày 10/11/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

2. Về tài sản chung: Không có

3. Về nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) bà L tự nguyện chịu và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà L đã nộp tại biên lai thu số 0002527 ngày 09/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà L được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 150.000 đồng.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) ông V chịu.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện Hòa Vang.
(đăng ký ngày 28/3/2017);
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Anh